



QUY ĐỊNH

Chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Đồng Nai
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1099/QĐ-ĐHDN,
ngày 06/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Nai)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng

Văn bản này quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường Đại học Đồng Nai bao gồm: nhiệm vụ của các chức danh giảng viên; thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và nghiên cứu khoa học; quy đổi các hoạt động chuyên môn ra giờ chuẩn giảng dạy và chế độ làm việc vượt định mức lao động theo Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ GDĐT.

Văn bản này quy định định mức giờ chuẩn tối thiểu trực tiếp giảng dạy để hưởng phụ cấp ưu đãi đối với giảng viên theo Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

Văn bản này không áp dụng cho giảng viên được cử biệt phái chịu sự phân công, bố trí, đánh giá, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi được cử đến biệt phái theo quy định tại Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng

a) Giảng viên (kể cả những người trong thời gian thử việc, hợp đồng) thuộc biên chế trả lương, đang trực tiếp giảng dạy.

b) Giảng viên (kể cả trợ giảng) hướng dẫn thực hành tại các xưởng trường, trạm, trại, phòng thí nghiệm, các lớp ngắn hạn và trình độ dưới đại học khác do Trường thu phí đào tạo.

c) Giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, công tác đảng, đoàn thể, trực tiếp giảng dạy đủ số giờ theo quy định tại Văn bản này.

d) Người có chức danh nghề nghiệp giảng viên đang làm công việc hành chính tại các đơn vị thuộc, trực thuộc khi Trường có nhu cầu bố trí giảng dạy.

Các đối tượng trên sau đây gọi chung là giảng viên.

Điều 2. Mục đích

1. Làm căn cứ để người đứng đầu đơn vị sử dụng bố trí công tác đối với giảng viên.

2. Làm căn cứ để các đơn vị kiểm tra, đánh giá và xây dựng chế độ chính sách, chương trình đào tạo, bồi dưỡng đối với giảng viên.

3. Làm cơ sở để giảng viên chủ động xây dựng kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học, làm việc và kế hoạch học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

4. Làm cơ sở để thực hiện việc đánh giá, xếp loại viên chức; bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm.

Điều 3. Nhiệm vụ của các chức danh giảng viên

1. Giảng viên thuộc Trường thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ khác theo quy định tại Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT, đồng thời giảng viên còn phải thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26/10/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (đối với giảng viên, giảng viên chính, giảng viên cao cấp) và Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 và Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ (đối với giáo sư, phó giáo sư).

2. Giảng viên phải tuân thủ sự phân công công tác của Trường đơn vị. Nếu từ chối phân công công tác phải có lý do chính đáng. Khi có sự phân công công tác không đồng đều, không hợp lý cần báo cáo lại với Trường đơn vị hoặc Ban Giám hiệu để có hướng giải quyết.

3. Giảng viên lần đầu thực hiện giảng dạy tại Trường hoặc đảm nhận môn học/học phần mới phải thông qua Hội đồng tư vấn thẩm định do Hiệu trưởng thành lập để đánh giá ít nhất 01 bài giảng (đánh giá về nội dung và phương pháp tổ chức các hoạt động dạy-học, kiểm tra, đánh giá người học).

4. Hoạt động giảng dạy phải đảm bảo chất lượng thông qua ít nhất 3 tiêu chí, mỗi tiêu chí đạt từ 80% chất lượng trở lên (riêng sinh viên năm thứ nhất đạt từ 70%), bao gồm (1) Kết quả học tập của sinh viên; (2) Tỷ lệ sinh viên tham dự học (kể cả dạy trực tuyến); (3) Sự hài lòng của sinh viên là cơ sở cho khoa, bộ môn và Trường đánh giá hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy và phân công, điều chỉnh phân công chuyên môn.

5. Giảng viên hoàn thành nhiệm vụ khi 100% nội dung trong số những nhiệm vụ tại Bảng 1 hoàn thành theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể, trong đó có không quá 20% tiêu chí chưa bảo đảm chất lượng, tiến độ hoặc hiệu quả thấp (đánh giá theo Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ).

Chương II

THỜI GIAN LÀM VIỆC, GIỜ CHUẨN GIẢNG DẠY VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 4. Quy định về thời gian làm việc

Thời gian làm việc của giảng viên trong năm học là 44 tuần (tương đương 1.760 giờ hành chính) để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học (NCKH), phục vụ cộng đồng và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác, được xác định theo năm học sau khi trừ số ngày nghỉ theo quy định.

Điều 5. Quy định giờ chuẩn giảng dạy, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ khác

1. Định mức giờ chuẩn giảng dạy của giảng viên trong một năm học được quy định từ 200 đến 350 giờ chuẩn giảng dạy (tương đương từ 600 đến 1.050 giờ hành

chính). Trong đó, giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp (hoặc giảng dạy trực tuyến) phải đảm bảo tối thiểu 50% định mức quy định.

Giờ chuẩn giảng dạy bao gồm thời gian lao động cần thiết trước, trong và sau tiết giảng (soạn đề cương chi tiết, câu hỏi kiểm tra, chấm điểm thành phần . . .).

2. Định mức giờ NCKH phụ thuộc điều kiện, chiến lược phát triển của Trường và năng lực chuyên môn của giảng viên, giảng viên nếu xét thấy không thể hoàn thành nhiệm vụ NCKH theo chuẩn chức danh nghề nghiệp được đăng ký điều chỉnh từ NCKH sang giảng dạy theo quy định tại Điều 5, Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT.

Mỗi năm, giảng viên phải hoàn thành nhiệm vụ NCKH được giao tương ứng với chức danh hoặc vị trí công việc đang đảm nhiệm. Kết quả NCKH của giảng viên được đánh giá thông qua các sản phẩm khoa học và công nghệ, các hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ; tối thiểu tương đương với một đề tài NCKH cấp Trường được nghiệm thu từ đạt yêu cầu trở lên hoặc một bài báo được công bố trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN hoặc một báo cáo khoa học tại hội thảo khoa học chuyên ngành.

Tất cả sản phẩm NCKH phải được ưu tiên chuyển giao, ứng dụng cải thiện hoạt động dạy và học tại Trường; thực hiện nhiệm vụ đặt hàng của Nhà nước hoặc các đối tác của Trường. Trừ trường hợp nghiên cứu đăng tải trên các tạp chí uy tín quốc tế.

Hoạt động NCKH được giảng viên đăng ký từ đầu năm học (theo thông báo của Trường) với khoa, bộ môn và Trường thông qua thứ tự ưu tiên tại (***) của Bảng 1.

3. Các hoạt động khác được thực hiện theo giờ làm việc bình thường, khi vượt quỹ thời gian 1.760 giờ, Trường sẽ thoả thuận ký hợp đồng theo đơn giá quy đổi tại Điều 7 quy định này.

Hiệu trưởng căn cứ mục tiêu, chiến lược phát triển của đơn vị; đặc thù của môn học, ngành học và điều kiện cụ thể của đơn vị để quyết định định mức giờ chuẩn giảng dạy; quy định cụ thể về số giờ NCKH được quy đổi từ các loại hình sản phẩm khoa học và công nghệ, hoạt động nghiên cứu và chuyển giao công nghệ của giảng viên trong một năm học cho phù hợp (như Bảng 1 đính kèm).

Bảng 1: Định mức giờ chuẩn giảng dạy (GCGD) chia theo các nhiệm vụ cụ thể

Nhiệm vụ giảng viên theo chuẩn chức danh nghề nghiệp	Giờ giảng dạy tối thiểu quy đổi (*)	Giờ nghiên cứu khoa học (NCKH) quy đổi (**)	Các hoạt động chuyên môn khác (***)
Trợ giảng hạng III (Đại học, Thạc sĩ)	270 (810h) Hướng dẫn thực hành, thí nghiệm, dạy lớp ngắn hạn, kỹ năng sống.	0h Giảng viên tập sự hoặc trợ giảng có thể miễn giảm nhiệm vụ NCKH để dành thời gian tham gia mục (***); Trường hợp giảng viên có nhu cầu NCKH vẫn có thể đăng ký (Ví dụ tham gia phát triển chương trình	950h (24 tuần) (1) Coi thi; (2) Hướng dẫn S ¹ đi thực tập; (3) Tập huấn 5S ¹ , các kỹ năng sống; (4) Cố vấn học tập, ch nhiệm; (6) Các hoạt độn khác.

¹ 5S (Sàng lọc, sắp xếp, sạch sẽ, săn sóc, sẵn sàng theo tiêu chuẩn của các đối tác nước ngoài).

		đào tạo: xây dựng ngân hàng câu hỏi . . .).	
Giảng viên (hạng III)	270 (810h) Giảng dạy, hướng dẫn đồ án, khóa luận tốt nghiệp; tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ nếu có đủ tiêu chuẩn theo quy định.	200 (586h) 1) Tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo; 2) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn giáo trình, sách tham khảo, sách chuyên khảo, sách hướng dẫn, biên dịch sách và giáo trình bằng tiếng nước ngoài sang tiếng Việt (sau đây gọi chung là sách phục vụ đào tạo); 3) Tổ chức, tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học; viết và tham gia báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học; tham gia đánh giá các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, các đề tài sinh viên nghiên cứu khoa học; tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;	364 (9,1 tuần) 1) Chấm thi, chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp; đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ nếu có đủ tiêu chuẩn; 2) Tham gia công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập; hướng dẫn thảo luận, thực hành, thí nghiệm và thực tập; 3) Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy; tham gia hoạt động thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học;
Giảng viên chính (hạng II)	270 (810h) Giảng dạy, hướng dẫn đồ án, khóa luận tốt nghiệp; tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ nếu có đủ tiêu chuẩn theo quy định	200 (586h) 4) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo; đề xuất chủ trương, phương hướng và biện pháp phát triển của ngành hoặc chuyên ngành được giao đảm nhiệm; chủ động đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học; 5) Tham gia bồi dưỡng giảng viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của khoa hoặc chuyên ngành; 6) Chủ trì, tham gia đánh giá các đề án, đề tài nghiên cứu khoa học; viết và tham gia báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học; tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế và bảo đảm chất lượng giáo dục	364 (9,1 tuần) 1) Chấm thi, chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp; đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ nếu có đủ tiêu chuẩn; 2) Tham gia công tác chủ nhiệm lớp, cố vấn học tập; hướng dẫn thảo luận, thực hành, thí nghiệm, thực tập; 3) Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy; tham gia hoạt động thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học; 4) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy

		<p>đại học;</p> <p>7) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn sách phục vụ đào tạo; chủ trì hoặc tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ;</p>	<p>chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục đại học công lập và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>
<p>Giảng viên cao cấp (hạng I)</p>	<p>270 (810h)</p> <p>Giảng dạy; hướng dẫn luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ</p>	<p>200 (586h)</p> <p>1) Chủ trì xây dựng, phát triển chương trình đào tạo của chuyên ngành; đề xuất phương hướng, biện pháp phát triển của ngành hoặc chuyên ngành; chủ động cập nhật thường xuyên những thành tựu khoa học vào việc xây dựng, phát triển chương trình đào tạo; đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học;</p> <p>2) Tổ chức hướng dẫn người học nghiên cứu khoa học; hướng dẫn người học phương pháp học tập, nghiên cứu có hiệu quả; phát hiện năng lực sở trường của người học để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tài năng;</p> <p>3) Chủ trì hoặc tham gia bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên theo yêu cầu phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của khoa hoặc chuyên ngành;</p> <p>4) Chủ trì hoặc tham gia đánh giá các đề án, đề tài nghiên cứu khoa học; tổ chức và trình bày báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo khoa học. Chủ trì hoặc tham gia nghiệm thu và công bố các báo cáo khoa học, các công trình nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm đóng góp vào sự phát triển của khoa và chuyên ngành; tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học;</p> <p>5) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn sách phục vụ đào tạo; chủ</p>	<p>364 (9,1 tuần)</p> <p>1) Chấm thi, chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp; chủ trì hoặc tham gia các hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ;</p> <p>2) Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy; tham gia hoạt động thực tiễn để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học;</p> <p>3) Tham gia công tác quản lý, công tác Đảng, đoàn thể và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy chế tổ chức, hoạt động của cơ sở giáo dục đại học công lập và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>

		trì hoặc tham gia thực hiện chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học; định hướng nghiên cứu khoa học cho khoa, nhóm chuyên môn;
--	--	---

Giảng viên làm công việc hành chính tại các đơn vị thuộc Trường nếu hoàn thành 100% nhiệm vụ chuyên môn đúng tiến độ, có năng lực giảng dạy nêu tại Điều 3 Quy định này được hợp đồng giảng dạy như giảng viên thỉnh giảng hoặc tính định mức phụ cấp ưu đãi ngành theo quy định của Nhà nước.

Định mức giờ chuẩn giảng dạy đối với giảng viên được bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo hoặc kiêm nhiệm công tác quản lý, đảng, đoàn thể, giảng viên tập sự và các trường hợp khác thực hiện như quy định tại Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT.

Chương III

QUY ĐỊNH CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN RA GIỜ CHUẨN GIẢNG DẠY VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VƯỢT ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

Điều 6. Quy định hệ số đối với lớp giảng dạy

1. Một tiết giảng lý thuyết trên lớp theo hệ thống tín chỉ được tính bình quân bằng 1 tiết giảng lý thuyết trên lớp cho một lớp đào tạo theo hệ thống niên chế có cùng quy mô, điều kiện làm việc và cùng chuyên ngành.

2. Quy chuẩn đối với tiết dạy theo sĩ số

Bảng 2: Quy chuẩn theo sĩ số

Số sinh viên trên lớp (m)	Hệ số	Ghi chú
$m \leq 40$	1.0	
$41 \leq m \leq 60$	1.2	
$61 \leq m \leq 80$	1.3	
$81 \leq m \leq 100$	1.5	Lớp không quá 100 SV

3. Quy chuẩn đối với tiết giảng chuyên đề, giảng lý thuyết cho các lớp đào tạo trình độ thạc sĩ và tiết giảng dạy bằng tiếng nước ngoài đối với môn học không phải là môn ngoại ngữ theo hệ số như sau:

- Đối với các lớp đào tạo trình độ thạc sĩ:

Bảng 3: Giảng dạy thạc sĩ

Trình độ giảng viên	Hệ số (tối đa)	Ghi chú
Tiến sĩ	1.5	Hệ số có thể thấp hơn phụ thuộc số học viên của từng lớp, từng năm học
Tiến sĩ - Giảng viên chính	1.6	
Phó giáo sư, GVCC	1.8	
Giáo sư	2.0	

- Đối với tiết dạy bằng tiếng nước ngoài các môn học không phải là môn ngoại ngữ: 1 tiết tính bằng 1.5 đến 2.0 giờ chuẩn (tùy thuộc nguồn thu và tính chất môn học).

4. Hệ số quy đổi ra giờ chuẩn đối với một tiết hướng dẫn bài tập, thảo luận, thực hành, thí nghiệm trên lớp theo hệ số:

Bảng 4: Hệ số quy đổi giờ chuẩn đối với một tiết hướng dẫn bài tập, thảo luận:

Số sinh viên trên lớp (m)	Hệ số	Ghi chú
$m \leq 40$	0.6	
$41 \leq m \leq 60$	0.7	
$61 \leq m \leq 80$	0.8	
$81 \leq m \leq 100$	0.9	
$101 \leq m$	1.0	

Bảng 5: Hệ số quy đổi giờ chuẩn đối với một tiết hướng dẫn thực hành, thí nghiệm

Số sinh viên trên lớp (m)	Hệ số	Ghi chú
$m \leq 20$	0.8	Bao gồm đào tạo ngắn hạn, kỹ năng sống, 5S, các lớp liên kết dạy nghề ...
$21 \leq m \leq 40$	1.0	
$41 \leq m \leq 60$	1.1	
$61 \leq m$ (không quá 70)	1.2	

5. Chia nhóm với các học phần Âm nhạc:

Số sinh viên trên lớp (m)	Số nhóm	
	Âm nhạc 1	Âm nhạc 2
$m \leq 20$	1	1
$21 \leq m \leq 40$	1	2
$41 \leq m \leq 60$	2	3
$61 \leq m \leq 90$	3	4
$91 \leq m$	4	5

Điều 7. Quy đổi các hoạt động phục vụ đào tạo

- 1) Hướng dẫn thực tập một ngày làm việc được tính từ 1,5 đến 02 giờ chuẩn.
- 2) Hướng dẫn một học viên viết khóa luận; bản thu hoạch; đề án cuối khóa học được tính từ 08 đến 10 giờ chuẩn; đọc và nhận xét đánh giá 01 tiểu luận cuối khóa học của học viên được tính 02 giờ chuẩn một lượt.
- 3) Hướng dẫn học viên đi thực tế 01 ngày làm việc được tính từ 03 đến 04 giờ chuẩn.

4) Soạn 01 đề kiểm tra, đề thi viết kèm theo đáp án được tính từ 01 đến 1,5 giờ chuẩn; 01 đề kiểm tra, đề thi trắc nghiệm kèm theo đáp án được tính từ 1,5 đến 02 giờ chuẩn; 01 đề kiểm tra, đề thi vấn đáp kèm theo đáp án được tính từ 01 đến 1,5 giờ chuẩn.

5) Coi kiểm tra, coi thi: 01 giờ được tính 0,5 giờ chuẩn.

6) Chấm kiểm tra, chấm thi: Mỗi lượt chấm 04 đến 06 bài kiểm tra viết, thi viết được tính 01 giờ chuẩn; mỗi lượt chấm 08 đến 10 bài kiểm tra trắc nghiệm, thi trắc nghiệm được tính 01 giờ chuẩn; chấm kiểm tra, thi vấn đáp, thực hành 01 học viên được tính 0,5 giờ chuẩn.

7) Chấm thi tốt nghiệp:

+ Đối với báo cáo thực tập tốt nghiệp: Mỗi báo cáo 02 người chấm, mỗi người chấm được tính 01 giờ chuẩn.

+ Đối với khóa luận tốt nghiệp (không bảo vệ): Mỗi khóa luận tốt nghiệp 01 người chấm (không phải GV hướng dẫn) và được tính 01 giờ chuẩn.

+ Đối với khóa luận tốt nghiệp có bảo vệ trước Hội đồng: Mỗi hội đồng khóa luận tốt nghiệp được tính cho Chủ tịch Hội đồng 02 giờ chuẩn; Phó Chủ tịch Hội đồng và Thư ký Hội đồng 01 giờ chuẩn (tối đa 3 thành viên).

8) Dạy chuyên đề bồi dưỡng cho sinh viên tham gia dự thi Olympic toàn quốc: 01 tiết thực dạy được tính 1,5 giờ chuẩn.

9) Chấm tiểu luận các lớp ngắn hạn, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục: 02 giờ chuẩn/01 đề tài (giảng viên giảng dạy hướng dẫn, chấm tiểu luận).

10) Báo cáo chuyên đề, bồi dưỡng, huấn luyện giảng viên khác: 01 giờ được tính 1,5 giờ chuẩn.

Quá trình thực hiện, Hiệu trưởng căn cứ nội dung trên quy đổi ra giờ chuẩn cụ thể soạn đề kiểm tra, đề thi; chấm kiểm tra đối với từng chương trình bồi dưỡng hoặc chấm thi trắc nghiệm trên máy tính cho phù hợp với điều kiện thực tế về kinh phí, nhưng không vượt quá quy định tại điều này.

Lưu ý: Các trường hợp khác (không nằm trong danh mục này), Hiệu trưởng sẽ quy định cụ thể số giờ chuẩn phù hợp với yêu cầu và thực tế.

Tất cả hoạt động chấm thi trên bản giấy phải được người chấm ghi điểm bằng số và chữ trong bài làm và ký tên từng trang.

Điều 8. Chế độ làm việc vượt định mức lao động

Giảng viên hoàn thành GCGD, nếu đồng ý làm thêm công việc do Trường giao sẽ được tính tiền theo hợp đồng như giảng viên thỉnh giảng.

Điều 9. Thời gian nghỉ hè

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.

Điều 10. Chế độ thanh toán

1. Giảng viên hoàn thành định mức GCDG (như **Bảng 1**) được hưởng lương và các khoản phụ cấp theo quy định chung của Nhà nước, ngoài ra nếu vượt định mức và

tích cực tham gia các công việc khác do Trường phân công sẽ được hưởng thu nhập tăng thêm (nếu có) theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

2. Giảng viên không hoàn thành định mức GCGD do đặc thù môn học vẫn được hưởng lương và các khoản phụ cấp hàng tháng theo quy định và phải bổ sung định mức GCGD vào tháng sau, học kỳ sau để bù lại (nhưng không được để qua năm học sau).

3. Giảng viên không hoàn thành định mức GCGD vì lý do cá nhân, việc trả lương và các khoản phụ cấp sẽ được thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Giảng viên hoàn thành GCGD (*, **, ***) vượt định mức sẽ được thanh toán tiền ký hợp đồng như giảng viên thỉnh giảng và theo quy định của pháp luật.

5. Đối với các nhiệm vụ tại Điều 7, làm việc trong quỹ thời gian 1.760 giờ hoặc đã có kinh phí hỗ trợ thù lao từ các nguồn kinh phí khác thì không thực hiện quy đổi thời gian thực hiện nhiệm vụ ra giờ chuẩn giảng dạy; tuy nhiên, các nhiệm vụ này được xem xét tính vào tổng định mức giờ chuẩn giảng dạy để đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trong năm đối với giảng viên không vượt định mức lao động.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Lãnh đạo các đơn vị có trách nhiệm phổ biến, triển khai thực hiện Quy định này tới toàn thể giảng viên trong đơn vị xây dựng kế hoạch làm việc hàng tháng, học kỳ và năm học, khoa/bộ môn tổng hợp báo cáo Phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch chung toàn Trường.

2. Lãnh đạo Phòng Đào tạo có trách nhiệm chủ trì, phối hợp các đơn vị theo dõi, đôn đốc tiến độ chung toàn Trường để báo cáo Ban Giám hiệu chỉ đạo thực hiện; Phòng Khảo thí, Đảm bảo chất lượng và Thanh tra Giáo dục có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này, phối hợp Phòng Tổ chức-Hành chính đánh giá công vụ theo quy định.

3. Trường Phổ thông Thực hành Sư phạm, Trường Mầm non Thực hành căn cứ Quy định này xây dựng, ban hành Quy định chế độ làm việc của giáo viên tại trường cho phù hợp với Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị và các quy định pháp luật có liên quan. GV của các phòng, khoa, đơn vị thuộc Trường Đại học Đồng Nai khi biệt phái đến công tác sẽ thực hiện đúng quy chế của đơn vị mới.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Trường thông qua Phòng Đào tạo để xem xét, kịp thời sửa đổi, bổ sung, hoặc bãi bỏ.

5. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các chế độ tài chính để thanh toán thực hiện theo Quy định này, Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường và các văn bản hiện hành của Nhà nước./.